

Số: /GP-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2024

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 6557367620 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thanh Hóa cấp lần đầu ngày 18/5/2023 cho nhà đầu tư Nan Cheung Knitting Factory Limited (chứng nhận thành lập doanh nghiệp số 772628, cấp tại Hong Kong (Trung Quốc) ngày 12/10/2001).

Xét hồ sơ kèm theo văn bản số 16/CVMT-NAN ngày 18/01/2024 của nhà đầu tư Nan Cheung Knitting Factory Limited về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của Dự án Nhà máy Dệt may tại lô CN 01, Cụm công nghiệp Thái Thắng, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh; Văn bản số 19/CVMT-NAN ngày 03/4/2024 của Công ty TNHH South Asia Knitwear Limited, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2803081761, đăng ký lần đầu ngày 12/9/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp (Chủ sở hữu: Nan Cheung Knitting Factory Limited) về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường dự án: Nhà máy Dệt may tại lô CN 01, Cụm công nghiệp Thái - Thắng, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh.

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 573/TTr-STNMT ngày 08 tháng 4 năm 2024.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty TNHH South Asia Knitwear Limited, địa chỉ tại: Lô CN 01, Cụm công nghiệp Thái - Thắng, xã Hoằng Thắng, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Nhà máy Dệt may tại Lô CN 01, Cụm công nghiệp Thái - Thắng, xã Hoằng Thắng, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa với các nội dung như sau:

**1. Thông tin chung của dự án đầu tư:**

1.1. Tên dự án: Nhà máy dệt may

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô CN 01, Cụm công nghiệp Thái Thắng, xã Hoàng Thắng, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2803081761, đăng ký lần đầu ngày 12/9/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp.

1.4. Mã số thuế/đăng ký doanh nghiệp: 2803081761

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất, kinh doanh hàng dệt may xuất khẩu.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Dự án đầu tư có tiêu chí về môi trường nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Phụ lục IV Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Quy mô: Dự án nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Tổng diện tích: 81.972m<sup>2</sup>.

- Công suất: Hàng may mặc: 5.000.000 sản phẩm/năm; Hàng dệt len: 6.000.000 sản phẩm/năm.

**2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH South Asia Knitwear Limited:**

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH South Asia Knitwear Limited có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý nước thải, chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô

nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm**

(từ ngày 20 tháng 4 năm 2024 đến ngày 20 tháng 4 năm 2034).

**Điều 4.** Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về tính chính xác của các số liệu tại Giấy phép này.

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND huyện Hoàng Hóa và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật; xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật nếu có vi phạm; chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các yêu cầu bảo vệ môi trường, chất lượng chất thải và tiếng ồn của cơ sở được cấp phép ra môi trường./.

**Nơi nhận:**

- Công ty TNHH South Asia Knitwear Limited (để t/h);
- Sở TN&MT (để theo dõi);
- UBND huyện Hoàng Hóa (để theo dõi);
- UBND xã Hoàng Thắng và UBND xã Hoàng Thái, huyện Hoàng Hóa (để g/s);
- Công ty TNHH đầu tư kinh doanh hạ tầng công nghiệp Đại Dương Xanh (để g/s);
- Lưu: VT, PgNN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Đức Giang**

## PHỤ LỤC 1

### NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

#### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

##### 1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt gồm nước thải vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện) và nước thải rửa tay, chân phát sinh từ Nhà xưởng số 01 và 01A.
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt gồm nước thải vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện) và nước thải rửa tay, chân phát sinh từ Nhà xưởng số 02 và 02A.
- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt gồm nước thải vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện); nước thải tắm giặt và rửa tay, chân; nước thải nhà ăn từ các khu nhà: nhà bảo vệ; nhà văn phòng; nhà nghỉ ca; nhà xe; nhà ăn,....
- Nguồn số 04: Nước thải sinh hoạt gồm nước thải vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện) và nước thải rửa tay, chân phát sinh từ Nhà xưởng số 03 và 03A.
- Nguồn số 05: Nước thải sinh hoạt gồm nước thải vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện) và nước thải rửa tay, chân phát sinh từ Nhà xưởng số 04 và 04A.
- Nguồn số 06: Nước thải sinh hoạt gồm nước thải vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện) và nước thải rửa tay, chân phát sinh từ Nhà xưởng số 05 và 05A.
- Nguồn số 07: Nước thải giặt phát sinh từ nhà xưởng số 03.
- Nguồn số 08: Nước thải từ quá trình xử lý bụi, khí thải lò hơi.

##### 2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

###### 2.1. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận:

Dự án có 01 (một) dòng nước thải sau Trạm xử lý nước thải tập trung → Đường ống PVC DN200 → Hệ thống thu gom nước thải chung của Cụm công nghiệp Thái Thắng, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

###### 2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải:

Hệ thống thu gom nước thải chung của Cụm công nghiệp Thái - Thắng, huyện Hoàng Hóa.

###### 2.3. Vị trí xả thải:

- Toạ độ vị trí xả thải (theo hệ toạ độ VN 2000, kinh tuyến trực 105, múi chiếu 3°): X = 2193408,77 (m); Y = 590243,01 (m)

- Điểm xả nước thải sau xử lý phải được lắp đặt biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát hoạt động xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

**2.4. Lưu lượng xả thải lớn nhất:** 852 m<sup>3</sup>/ngàyđêm (24 giờ).

*2.4.1. Phương thức xả thải:*

- Phương thức xả thải: Tự chảy.
- Hình thức xả: Xả mặt.

*2.4.2. Chế độ xả nước thải:* Xả liên tục 24 giờ/ngày.

*2.4.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận:* Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các thông số không vượt quá giá trị tối đa cho phép theo QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp. Cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 40:2011/ BTNMT (cột B; K <sub>q</sub> = 1,0; K <sub>f</sub> = 1,0)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Nhiệt độ	°C	40	03 tháng/01 lần	Không thuộc đối tượng phải lắp đặt
2	Độ màu	Pt-Co	150		
3	pH	-	5,5-9		
4	BOD <sub>5</sub>	mg/l	50		
5	COD	mg/l	150		
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	100		
7	Asen	mg/l	0,1		
8	Đồng	mg/l	2		
9	Chì	mg/l	0,5		
10	Cadimin	mg/l	0,1		
11	Crom (VI)	mg/l	0,1		
12	Kẽm	mg/l	3		
13	Mangan	mg/l	1		
14	Sắt	mg/l	5		
15	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10		
16	Sunfua	mg/l	0,5		
17	Amoni	mg/l	10		
18	Tổng nito	mg/l	40		
19	Coliform	Vi khuẩn/ 100ml	5.000		

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:**

#### **1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:**

- Nguồn số 01 và số 02 (Từ xưởng số 01, 01A và 02, 02A): Nước thải vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện) xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn; nước thải tắm, giặt và rửa tay, chân qua song chắn rác → Đường ống nhựa PVC 160 → Đường ống uPVC, DN200 → Trạm xử lý nước thải tập trung.

- Nguồn số 03 (Từ nhà bảo vệ, nhà văn phòng, nhà nghỉ ca, nhà xe...): Nước thải vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện) xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn; nước thải tắm, giặt và rửa tay, chân qua song chắn rác; nước thải nhà ăn xử lý sơ bộ qua bể tách dầu mỡ → Đường ống nhựa PVC 110 → Đường ống nhựa PVC 160 → Đường ống uPVC, DN200 → Trạm xử lý nước thải tập trung.

- Nguồn số 04, 05, 06 (Từ xưởng số 03, 03A; 04, 4A và 05, 05A): Nước thải vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện) xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn; nước thải tắm, giặt và rửa tay, chân qua song chắn rác → Đường ống nhựa PVC 160 → Đường ống uPVC, DN200 → Trạm xử lý nước thải tập trung.

- Nguồn số 07: Nước thải giặt phát sinh từ nhà xưởng số 3 → Hồ ga → Đường ống uPVC, DN110 → Trạm xử lý nước thải tập trung.

- Nguồn số 08: Nước thải từ xử lý khí thải lò hơi, xả đáy lò hơi → Hồ ga → Đường ống uPVC, DN110 (cùng nước thải giặt phát sinh từ nhà xưởng số 3) → Trạm xử lý nước thải tập trung.

### **1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:**

#### *1.2.1. Công trình xử lý nước thải của dự án.*

- Bể tự hoại 3 ngăn: 26 bể với tổng thể tích 433m<sup>3</sup>.

- Bể tách dầu mỡ nhà ăn: 01 bể có thể tích 03m<sup>3</sup>.

- Trạm xử lý nước thải tập trung của dự án công suất 900m<sup>3</sup>/ngày.đêm bằng công nghệ lý hóa, vi sinh kết hợp.

#### *1.2.2. Tóm tắt quy trình công nghệ của trạm xử lý nước thải tập trung:*

Bể thu gom chung → Bể điều hòa → Bể điều chỉnh pH → Bể phản ứng → Bể tạo bông → Bể lắng 1 → Bể trung gian → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng 2 → Bể khử trùng → Hệ thống thu gom nước thải của Cụm công nghiệp.

- Công suất thiết kế: 900 m<sup>3</sup>/ngày.đêm

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: PAM, PAC, Cloramin B, Chế phẩm vi sinh BIO dạng bột (hoặc các hóa chất tương đương, đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 phần A Phụ lục này).

### **1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:**

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

#### **1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:**

- Trang bị số lượng máy móc thiết bị (máy bơm, máy thổi khí...) phục vụ cho HTXL nước thải tập trung gấp đôi số lượng cần để vận hành gồm: Trang bị 02 máy bơm tại các vị trí cần lắp đặt 01 máy bơm; 02 máy thổi khí,.. để 01 máy chạy, 01 máy dự phòng khi có sự cố; lắp đặt thiết bị bảo vệ cho máy bơm, máy nén khí, máy khuấy (Zơ le nhiệt, Atomat, khởi động từ, phao điện, thiết bị chống mất pha, chống đảo pha...) đảm bảo yêu cầu kỹ thuật; lắp đặt đèn tín hiệu, còi báo dừng hoạt động các thiết bị khi có sự cố; mua sắm thêm máy móc, thiết bị dự phòng và tập kết trong kho của Trạm xử lý để thay thế khi cần thiết.

- Vận hành các hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị bố trí nhân viên kỹ thuật vận hành các hệ thống xử lý nước thải và ghi chép vào sổ giám sát hàng ngày.

- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc của hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom và xả nước thải sau xử lý.

- Khi hệ thống xử lý nước thải tập trung có sự cố hoặc nước thải sau xử lý không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.4.3 phần A của Phụ lục, dừng ngay việc xả nước thải ra nguồn tiếp nhận để thực hiện các biện pháp khắc phục như sau:

+ Nếu sự cố không đến mức nghiêm trọng, công nhân dừng vận hành hệ thống, đóng van để lưu giữ nước thải tạm thời trong các bể chứa của hệ thống xử lý nước thải và khẩn trương khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục xong sự cố, vận hành tăng công suất để đảm bảo xử lý được toàn bộ lượng nước thải phát sinh đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.4.3 phần A của Phụ lục này trước khi xả ra hệ thống thu gom của cụm công nghiệp.

+ Trường hợp xảy ra sự cố nghiêm trọng phải dừng nhiều ngày để sửa chữa, thay thế thiết bị, trong khi các bể chứa nước thải của Hệ thống xử lý nước thải tập trung đã đầy, Công ty báo cáo với chính quyền địa phương, cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường và Ban quản lý cụm công nghiệp để được hướng dẫn thực hiện khắc phục sự cố. Đồng thời cho tạm dừng hoạt động công đoạn giặt để hạn chế phát sinh nước thải sản xuất cần phải thu gom, xử lý để sửa chữa, khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục, sửa chữa xong, đưa hệ thống xử lý nước thải tập trung vào vận hành trở lại.

- Đối với nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung có các thông số ô nhiễm vượt quy chuẩn cho phép chảy ra nguồn tiếp nhận nước thải, Công ty hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

### **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

#### *2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:*

- Dự kiến 03 tháng, kể từ ngày Nhà máy bắt đầu đi vào hoạt động; thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm thực hiện theo quy định tại khoản 6, Điều 31, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Chủ dự án thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải về cơ quan cấp giấy phép môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm.

#### *2.2. Công trình, thiết bị xử nước thải phải vận hành thử nghiệm:*

Hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 900m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

*2.2.1. Vị trí lấy mẫu:*

Tại bể gom nước thải đầu vào và tại bể khử trùng nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

*2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:*

Thực hiện theo nội dung được cấp phép tại mục 2.4.3, Phần A Phụ lục này.

*2.3. Tần suất lấy mẫu:*

Thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

**3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.4.3, phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất đảm bảo vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình thu gom nước thải.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin vận hành hệ thống xử lý nước thải (gồm: Lưu lượng đầu ra; lượng điện tiêu thụ và lượng hóa chất sử dụng,...).

3.4. Ban hành quy chế về bảo vệ môi trường của nhà máy theo quy định của pháp luật.

3.5. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này.

## PHỤ LỤC 2

### NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

#### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

##### 1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ hoạt động lò đốt cấp hơi số 01, công suất 3,5T/h.
- Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ hoạt động lò đốt cấp hơi số 02 công suất 3,5T/h.

##### 2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

###### 2.1. Vị trí xả khí thải:

- Dòng khí thải số 01: Tương ứng với ống khói thải khí thải sau hệ thống xử lý của lò đốt cấp hơi số 01, cao 15m. Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 2193347,57 (m); Y = 590295,84 (m).

- Dòng khí thải số 02: Tương ứng với ống khói thải khí thải sau hệ thống xử lý của lò đốt cấp hơi số 01, cao 15m. Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 2193407,58 (m); Y = 590296,00 (m).

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực  $105^0$ , múi chiều  $3^0$ )

Vị trí xả khí thải nằm trong khuôn viên Dự án Nhà máy Dệt may của Công ty TNHH South Asia Knitwear Limited tại lô CN-01, Cụm công nghiệp Thái Thăng, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa

###### 2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 36.000 m<sup>3</sup>/giờ, trong đó:

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 18.000 m<sup>3</sup>/giờ.
- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 18.000 m<sup>3</sup>/giờ.

###### 2.2.1. Phương thức xả khí thải:

- Nguồn số 01: Xả liên tục 10 giờ/ngày (khi vận hành lò đốt cấp hơi).
- Nguồn số 02: Xả liên tục 10 giờ/ngày (khi vận hành lò đốt cấp hơi).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi thải vào môi trường: Khí thải phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, hệ số  $k_p=0,9$ ;  $k_v=1,0$ ), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	180	Không thuộc đối tượng phải quan	Không thuộc đối

2	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	900	trắc bụi, khí thải định kỳ	tượng
3	NO <sub>x</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	765		
4	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	450		

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:**

#### **1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:**

- Bụi, khí thải phát sinh từ nguồn số 01 → Đường ống → Hệ thống xử lý khí thải lò đốt cấp hơi.

- Bụi, khí thải phát sinh từ nguồn số 02 → Đường ống → Hệ thống xử lý khí thải lò đốt cấp hơi.

#### **1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:**

##### **1.2.1. Công trình, thiết bị xử lý khí thải:**

- Công trình, thiết bị xử lý khí thải: 02 hệ thống giống nhau xử lý khí thải cho 02 nguồn (mỗi hệ thống xử lý cho 01 nguồn).

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý khí thải: Ống dẫn khí thải → Cyclon khô xử lý bụi → Đường ống → Cyclon màng nước để hấp thụ khí thải và bụi → Quạt hút → Ống khói cao 15m → ra môi trường.

- Công suất thiết kế: 18.000 m<sup>3</sup>/giờ/01 hệ thống.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Dung dịch sữa vôi Ca(OH)<sub>2</sub> hoặc NaOH (hoặc các hóa chất tương đương, đảm bảo chất lượng khí thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.2.2, phần A Phụ lục này).

##### **1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:**

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

##### **1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:**

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống xử lý khí thải, nếu có dấu hiệu hỏng hóc tiến hành sửa chữa, thay thế đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định.

- Lập bảng ghi chú các sự cố nôi hơi có thể xảy ra trong quá trình vận hành lò hơi và và phương pháp xử lý (được treo tại khu vực đặt nôi hơi).

- Trường hợp 01 trong 02 hệ thống gặp sự cố hoặc xử lý không đạt yêu cầu, dừng hoạt động của lò đốt cấp hơi để sửa chữa, khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục xong sự cố, đưa lò đốt cấp hơi vào vận hành.

- Định kỳ hàng năm tiến hành kiểm định, hiệu chuẩn, bảo dưỡng các thiết bị của lò hơi và các hệ thống xử lý bụi, khí thải; sử dụng nhiên liệu theo đúng tiêu chuẩn

cho máy phát điện dự phòng.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

### *2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:*

- Dự kiến 03 tháng, kể từ ngày Nhà máy bắt đầu đi vào hoạt động; thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Chủ dự án thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải về cơ quan cấp giấy phép môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành.

### *2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:*

- Hệ thống xử lý khí thải lò đốt cấp hơi số 01 và số 02.

#### *2.2.1. Vị trí lấy mẫu:*

- Tại thân ống khói sau hệ thống xử lý khí thải lò đốt cấp hơi số 01.

- Tại thân ống khói sau hệ thống xử lý khí thải lò đốt cấp hơi số 02.

#### *2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:*

Thực hiện theo nội dung được cấp phép tại mục 2.2.2, Phần A Phụ lục này.

*2.3. Tần suất lấy mẫu:* Thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2 phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống công trình thu gom, xử lý khí thải.

3.3. Vận hành theo đúng hướng dẫn kỹ thuật và tuân thủ theo QCVN 01:2008/BLĐTBXH Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn lao động nội hơi và bình chịu áp lực.

3.4. Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm định, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc, hệ thống xử lý bụi, khí thải nội hơi.

3.5. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc xả khí thải ra môi trường không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này.

### PHỤ LỤC 3

## BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2024  
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

#### 1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Từ hoạt động của máy bơm, máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải tập trung.
- Nguồn số 02: Từ hoạt động của máy phát điện dự phòng.
- Nguồn số 03: Từ hoạt động của các lò hơi.
- Nguồn số 4: Từ hoạt động của máy móc trong nhà xưởng dệt len.

#### 2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tại khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy Tọa độ dự kiến: X = 2193392,08 (m); Y = 590270,25 (m).
- Nguồn số 02: Tại khu vực nhà đặt máy phát điện của Nhà máy. Tọa độ dự kiến: X = 2193254,29 (m); Y = 590531,61 (m).
- Nguồn số 03: Tại khu vực nhà lò hơi. Tọa độ đại diện: X = 2193379,56 (m); Y = 590502,85 (m).
- Nguồn số 04: Tại khu vực các xưởng dệt len. Tọa độ đại diện: X = 2193377,55(m); Y = 590307,92 (m).

(Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực  $105^0$ , múi chiếu  $3^0$ )

**3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:**

#### 3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép, dBA		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

#### 3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến	Từ 21 giờ đến 6		

	<b>21 giờ (dB)</b>	<b>giờ (dB)</b>		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**

### **1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn.

- Tại các điểm tiếp xúc giữa máy thổi khí, động cơ, máy bơm và sàn đặt máy được kê đệm cao su để giảm tiếng ồn và giảm độ rung.

- Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu mỡ bôi trơn để giảm thiểu độ rung.

- Trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động phù hợp với từng vị trí làm việc như: Găng tay, quần áo bảo hộ, kính bảo hộ, nút tai chống ồn.

### **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục 3 phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

**PHỤ LỤC 4**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,**  
**PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2024  
của UBND tỉnh Thanh Hóa)*

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:**

**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (Rắn/lỏng/bùn)	Mã CTNH	Khối lượng chất thải (kg/năm)
1	Dầu thải	Lỏng	17 02 03	300
2	Giẻ lau dính dầu mỡ	Rắn	18 02 01	300
3	Hộp mực in thải, thùng	Rắn	08 02 04	2
4	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	3
5	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	19 06 01	1
6	Bao bì cứng thải bằng kim loại	Rắn	18 01 02	100
7	Bao bì cứng bằng nhựa	Rắn	18 01 03	20
<b>Tổng số lượng</b>				<b>726</b>

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bìa cattong, giấy cắt mẫu, túi nilon và bao bì hỏng trong khâu đóng gói sản phẩm	42.000
2	Vải vụn, sợi len thừa	425.000
3	Tro đốt viên nén	11.606,4
4	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	133.000
<b>Tổng khối lượng</b>		<b>611.606</b>

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt và chất thải khác:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (tấn/năm)
1	Rác thải sinh hoạt	574

<b>Tổng khối lượng</b>	<b>574</b>
------------------------	------------

## **2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:**

### **2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

#### **2.1.1. Thiết bị lưu chứa:**

- Thùng chứa bằng nhựa cứng, thùng phuy dung tích 180 - 200 lít; có nắp đậy kín và dán nhãn mã số CTNH.

#### **2.1.2. Khu vực lưu chứa trong nhà:**

- Diện tích 40m<sup>2</sup>, bố trí trong khu lưu giữ chất thải chung có diện tích 350m<sup>2</sup>

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Khu lưu chứa chất thải nguy hại có mái che kín, tường bao xung quanh, nền chống thấm, có rãnh và hố thu gom CTNH dạng lồng phòng sự cố thùng chứa, bao bì chứa bị rò rỉ, thùng vỡ. Phía bên ngoài có biển cảnh báo CTNH theo đúng quy định.

- Khu vực lưu chứa CTNH phải đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Chất thải nguy hại được định kỳ chuyển giao cho các đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

### **2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:**

#### **2.2.1. Thiết bị lưu chứa:**

- Thùng nhựa cứng có dung tích 120 lít và túi ni lon màu trắng để lưu giữ tại khu lưu giữ.

- Kim may và các vật sắc nhọn bằng kim loại thu gom vào các thùng nhựa hoặc kim loại có nắp đậy.

#### **2.2.2. Khu vực lưu chứa:**

- Diện tích 250m<sup>2</sup>, bố trí trong công trình khu lưu giữ chất thải chung có diện tích 350m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Kết cấu mái che kín, tường bao xung quanh tránh nắng và nước mưa, có biển báo đầy đủ.

### **2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt.**

#### **2.3.1. Thiết bị lưu chứa:**

Bố trí các thùng nhựa cứng có dung tích 90 lít/thùng đặt tại khu văn phòng làm việc, các nhà xưởng tại nhà máy và vỉa hè đường nội bộ trong Nhà máy để lưu giữ tạm thời.

2.3.2. Khu vực lưu chứa: Không bố trí khu lưu chứa riêng chất thải sinh hoạt. Chất thải sinh hoạt thu gom vào các thùng chứa theo quy định và vận chuyển đi xử lý hàng ngày sau mỗi ca làm việc. Chất thải rắn sinh hoạt có khả năng tái chế lưu chứa trong khu vực có diện tích 60m<sup>2</sup> (bố trí trong khu lưu giữ chất thải chung có diện tích 350m<sup>2</sup>).

**B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:**

1. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo Tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Tổ chức thực hiện biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này.

## PHỤ LỤC 5

### CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2024  
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

#### A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

#### B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

#### C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN SAU KHI ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG TRONG GIAI ĐOẠN THI CÔNG DỰ ÁN:

##### 1. Các hạng mục, công trình xây dựng:

Triển khai thi công các hạng mục, công trình của dự án; Khuôn viên cây xanh, sân đường nội bộ; Hệ thống cấp điện; Hệ thống cấp nước; Hệ thống PCCC; Hệ thống thu gom và thoát nước mưa; Hệ thống thoát nước thải,...

##### 2. Các công trình, yêu cầu bảo vệ môi trường.

###### 2.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

- Đối với nước mưa chảy tràn: Tạo bờ bao quanh khu vực tập kết nguyên vật liệu nhằm hạn chế nước mưa chảy tràn cuốn theo đất, cát, vật liệu xây dựng...; tạo các rãnh thoát nước tạm thời tại các vị trí trũng thấp để thoát nước, tránh tình trạng ngập úng. Cuối rãnh thoát nước bố trí hố lắng để lắng và loại bỏ đất, cát, rác thải vương vãi...

- Đối với nước thải từ quá trình rửa tay chân được thu gom và xử lý bằng 01 hố lắng tạm ( $V = 2,0 \text{ m}^3$ ) → Tái sử dụng cho phun nước dập bụi, phần không sử dụng hết thải ra mương thoát nước chung của khu vực; đối với nước thải từ nấu ăn của công nhân → 01 bể tách mỡ có thể tích khoảng 50 lít, bằng nhựa composit hoặc inox → Hố lắng tạm (dung tích  $2,0 \text{ m}^3$ ) → Tái sử dụng cho phun nước công bụi khu vực công trường thi công dự án. Phần váng mỡ thu gom và xử lý cùng chất thải rắn sinh hoạt hàng ngày.

- Đối với nước từ vệ sinh máy móc, thiết bị → 01 bể lắng kết hợp tách dầu mỡ tạm có dung tích  $02 \text{ m}^3$ . Nước thải sau khi lắng bỏ cặn và dầu mỡ → Mương thoát nước chung của khu vực.

- Đối với nước thải vệ sinh của công nhân thi công → 02 nhà vệ sinh di động → Định kỳ thuê đơn vị có chức năng hút cặn bể phốt.

- Đối với nước thải từ rửa xe, máy móc → Rãnh xi măng → Bể lắng có dung tích  $V = 2,0 \text{ m}^3$  (xây dựng bằng cách đào hồ sau đó dùng vải địa kỹ thuật (HDPE) lót đáy và thành chống thấm, bể lắng gồm 2 ngăn bởi vách ngăn lửng, trong bể có bố trí 1 phao quay thu váng dầu) → Tái sử dụng để vệ sinh thiết bị, máy móc thi công, phần không sử dụng hết thải ra mương thoát nước chung. Váng dầu thu gom, lưu giữ và xử

lý cùng chất thải nguy hại của dự án.

## **2.2. Về xử lý bụi, khí thải:**

- Không sử dụng phương tiện giao thông và máy móc quá cũ để vận chuyển nguyên vật liệu thi công công trình;
- Không chuyên chở vượt tải trọng kiểm định;
- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc thiết bị trên công trường;
- Các phương tiện vận chuyển phải được phủ bạt công nghiệp nhằm tránh rơi rớt và phát tán bụi, bạt được phủ kín thùng xe và buộc chặt.

## **2.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý chất thải rắn thông thường**

- Bố trí đầy đủ thùng chứa rác (loại 10 - 60 lít) đặt tại khu vực lán trại công nhân để thu gom rác thải;
- Các loại chất thải rắn như bìa cattông, các mẫu sắt thừa,... thu gom hàng ngày và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu trên địa bàn.
- Chất thải xây dựng gồm: Đất đá thải, gạch ngói vỡ, bê tông, xi măng, vữa trộn thừa... tận dụng san lấp mặt bằng của dự án.
- Đất đào hố móng công trình tận dụng làm vật liệu tôn nền các công trình xây dựng dự án.
- Chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn thông thường khác thu gom và đem đến khu vực lưu giữ chất thải rắn thông thường tạm thời. Tại khu vực lưu giữ bố trí các thùng, xe chứa rác thải để lưu giữ và phân loại chất thải, khu vực lưu giữ có mái che, quây xung quanh.
- Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

## **2.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý chất thải nguy hại**

- Bố trí các thùng chứa chuyên dụng 120 lít có nắp đậy kín đặt tại khu vực lán trại để thu gom.
- Lưu giữ tại khu vực có diện tích 3m<sup>2</sup>, quây kín, có mái che, nền cao tránh nước mưa chảy tràn.
- Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

## **2.5. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung và các tác động khác**

- Lắp đặt các thiết bị giảm tiếng ồn, độ rung cho các máy móc có tiếng ồn, độ rung cao như: máy hàn, cắt,... Không sử dụng các máy móc thi công đã cũ, hệ thống giảm âm bị hỏng vì gây ra ô nhiễm tiếng ồn lớn. Thường xuyên bảo dưỡng bộ phận giảm âm ở các thiết bị máy móc thi công;
- Quy định tốc độ của xe và máy móc khi hoạt động trong khu vực thực hiện dự án;
- Các phương tiện vận chuyển hạn chế dùng còi trong khu đông người;

- Các xe vận chuyển nguyên liệu cho dự án không vận chuyển quá tải tránh ảnh hưởng đến tuyến đường;

- Phối hợp với địa phương về việc khai báo tạm trú, tạm vắng của cán bộ, công nhân viên tham gia thi công dự án.

## **2.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường**

- Sự cố về máy móc thiết bị: Định kỳ bảo dưỡng máy móc, thiết bị tham gia thi công dự án.

- Sự cố ngập úng khu vực xung quanh: Thi công đúng tiến độ, đúng thiết kế xây dựng. Tránh làm rơi vãi các loại chất thải xuống hệ thống thoát nước làm tắc đường ống thoát nước của khu vực thực hiện dự án và khu vực xung quanh dự án.

- Sự cố tai nạn lao động: Trang bị đồ bảo hộ lao động đầy đủ cho công nhân và lập quy tắc an toàn lao động

## **D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:**

1. Quản lý chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2. Thực hiện công trình bảo vệ môi trường và vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Quyền, nghĩa vụ của chủ dự án đầu tư, cơ sở được cấp giấy phép môi trường theo quy định tại Điều 47 của Luật BVMT năm 2020.

3. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép môi trường này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

4. Kiểm soát hoạt động của Trạm xử lý nước thải tập trung đảm bảo không phát sinh mùi hôi từ hệ thống xử lý ra môi trường xung quanh.

5. Kiểm soát các thông số ô nhiễm trong nước thải bảo đảm nước thải sau xử lý đáp ứng QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp. Nước thải phải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

6. Kiểm soát các thông số ô nhiễm trong khí thải đảm bảo khí thải sau xử lý đáp ứng QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, hệ số  $k_p=0,9$ ;  $k_v= 1,0$ ) Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

7. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường

8. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

9. Chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai toàn bộ Dự án. Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo xin giấy phép môi trường.

10. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định./.